

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN HẢI
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2021/DS - ST.

Ngày: 28/12/2021.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN HẢI - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiểu.

Ông Phạm Mã Siêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải , tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiền Hải , tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2021/TLST-DS ngày 05/7/2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 22/2021/QĐXXST-DS ngày 05/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐT-DS ngày 01/12/2021 giữa :

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Địa chỉ: Số xx, N, phường T, quận H, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L - Chủ tịch hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân TH - Giám đốc khối quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Nguyễn Cảnh T - Cán bộ ngân hàng TMCP Đ (Có mặt)

- Bị đơn: Chị Tô Thị T1, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:*

Ngày 05/12/2018 bà Tô Thị T1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ bằng hợp đồng tín dụng số 330/2018/HĐTD/PVB-CNTB với nội dung cụ thể như sau:

-Số tiền vay: 260.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi triệu đồng);

-Mục đích: vay mua ô tô đi lại

-Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

-Lãi suất: Theo thỏa thuận trong HĐTD và khế ước nhận nợ kèm theo

-Tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Là 01 xe ô tô con, 5 chỗ, màu ghi, nhãn hiệu CHEVROLET SPARK; số khung: RLLMF48DJJH954449; số máy: B12D1Z1182028HN7X0056; biển số: 17A-122.07, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 330/2018/HĐBĐ/PVB-CNTB ngày 05/12/2018 (Đăng ký xe ô tô số 021930 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/12/2018).

Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý, Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 260.000.000 đồng cho chị T1 đúng như hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Tuy nhiên bà Tô Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay chuyển thành nợ quá hạn theo đúng thỏa thuận trong HĐTD. Đến nay quan điểm của Ngân hàng cụ thể như sau:

1. Yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ như sau, tính đến ngày xét xử 28/12/2021, bà Tô Thị T1 còn nợ Ngân hàng số nợ như sau:

Nợ gốc: 204.018.973 đồng

Nợ lãi trong hạn là: 37.643.601 đồng

Nợ lãi quá hạn: 15.880.808 đồng.

Tổng cộng: 257.543.382 đồng

Và toàn bộ khoản lãi phát sinh từ ngày 28/12/2021 theo quy định của Hợp đồng vay vốn đã ký cho đến ngày chị T1 tắt toán khoản vay.

Trường hợp chị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô con, 5 chỗ, màu ghi, nhãn hiệu CHEVROLET SPARK; số khung: RLLMF48DJJH954449; số máy: B12D1Z1182028HN7X0056; biển số: 17A-122.07, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 330/2018/HĐBĐ/PVB-CNTB ngày 05/12/2018 (Đăng ký xe ô tô số 021930 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/12/2018).

* Quá trình tố tụng tại Tòa, bị đơn chị Tô Thị T1 trình bày: Về quá trình vay và thực hiện hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Tại thời

điểm vay thì chị đã ly hôn chồng và chưa kết hôn với người khác. Chị vay mua xe ô tô và hiện nay xe ô tô chị vẫn đang quản lý. Số dư nợ mà chị còn nợ lại Ngân hàng thì chị không có ý kiến gì. Nay ngân hàng khởi kiện chị thì quan điểm của chị như sau: Thời gian đầu thì chị vẫn trả tiền lãi và gốc đầy đủ cho Ngân hàng. Tuy nhiên sau đó do dịch bệnh, làm ăn khó khăn nên chị không còn điều kiện để trả cho ngân hàng. Chị đề nghị Ngân hàng cho chị thời gian là 06 tháng thì chị sẽ tất toán toàn bộ khoản vay với Ngân hàng và Ngân hàng cấp lại giấy tờ xe cho chị để chị đăng kiểm xe và sử dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ. Buộc chị Tô Thị T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên.

Về án phí: Chị Tô Thị T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy, tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và chị Tô Thị T1 là tranh chấp dân sự về hợp đồng. Bị đơn là chị Tô Thị T1 có hộ khẩu thường trú tại huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là chị Tô Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét về giá trị pháp lý của hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với chị Tô Thị T1 ngày 05/12/2018 thấy: Việc chị Tô Thị T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, lãi suất và các nội

dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái đạo đức xã hội, tuân thủ theo quy định tại Điều 116, 117 và Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

2.2 Xét về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đòi tiền nợ gốc và lãi thì thấy: Quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 260.000.000 đồng cho chị Tô Thị T1 theo đúng thỏa thuận của hợp đồng. Tuy nhiên đến nay chị T1 mới trả được Ngân hàng tổng số tiền là 83.279.407 đồng trong đó tiền trả nợ gốc là 55.981.027 đồng và tiền trả nợ lãi là 27.298.380 đồng. Từ ngày 25 tháng 02 năm 2020 đến nay chị Tô Thị T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo cam kết đã ký, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc chị Hoa trả số nợ còn lại cho Ngân hàng nhưng không có kết quả. Nên người có lỗi và là người vi phạm hợp đồng là chị T1 nên chị T1 phải chịu mọi hậu quả theo giao kết và theo quy định của pháp luật. Do đó phía Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số dư nợ của chị T1 sang nợ quá hạn kể từ ngày ngày 25 tháng 02 năm 2020 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định 1627/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001. Tính đến ngày xét xử (28/12/2021) chị T1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 257.543.382 đồng trong đó nợ gốc là 204.018.973 đồng, lãi trong hạn là 37.643.601 đồng và lãi quá hạn là 15.880.808 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu chị T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi nói trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các điều 351, 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trong trường hợp chị T1 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền đề nghị cơ quan quyền thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con, 5 chỗ, màu ghi, nhãn hiệu CHEVROLET SPARK; số khung: RLLMF48DJJH954449; số máy: B12D1Z1182028HN7X0056; biển số: 17A-122.07, hiện chị T1 đang quản lý, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 330/2018/HĐBĐ/PVB-CNTB ngày 05/12/2018 (Đăng ký xe ô tô số 021930 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/12/2018) thấy: Các nội dung trong hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 330/2018/HĐBĐ/PVB-CNTB ngày 05/12/2018 có hiệu lực và giá trị thực hiện nên yêu cầu này của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Tô Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 299, 323, 357, 466 Bộ luật dân sự. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Buộc chị Tô Thị T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ các khoản nợ sau:

Nợ gốc: 204.018.973đ (Hai trăm linh bốn triệu không trăm mười tám ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng)

Nợ lãi trong hạn là: 37.643.601đ (Ba mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm linh một đồng)

Nợ lãi quá hạn: 15.880.808đ (Mười lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn tám trăm linh tám đồng).

Tổng số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 28/12/2021 chị Tô Thị T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ là: 257.543.382đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm tám mươi hai đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà chị Tô Thị Thuỷ không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của chị T1 là: 01 xe ô tô con, 5 chỗ, màu ghi, nhãn hiệu CHEVROLET SPARK; số khung: RLLMF48DJJH954449; số máy: B12D1Z1182028HN7X0056; biển số: 17A-122.07 , hiện chị T1 đang quản lý, theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 330/2018/HĐBĐ/PVB-CNTB ngày 05/12/2018 (Đăng ký xe ô tô số 021930 do Phòng CSGT Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 05/12/2018) để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Chị Tô Thị T1 phải chịu 12.877.000đ (Mười hai triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) mà ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002172 ngày 30/6/2021.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tiền Hải;
- Phòng Kiểm tra Tòa án Tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi

